TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 43/2019/HNGĐ-PT	
Ngày: 06 - 11 - 2019	
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 và ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu chia tài sản khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 55/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Diệp Diễm T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm B, sinh năm 1957 (có mặt).

2. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Kết N, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Anh Phạm Văn Th – Bị đơn; Ông Phạm B – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Diệp Diễm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Th kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau. Qua thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2017. Xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn anh Th.

Về con chung: có hai người con chung tên Phạm Thái K, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2006 và Phạm Thảo V, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2013. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi Thảo V, không yêu cầu cấp dưỡng; đối với Thái K có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu ở với chị thì cũng không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T xác định có các loại tài sản chung:

- Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 32.914,2m^2, nguồn gốc đất là do vợ chồng nhận chuyển nhượng của cha mẹ chồng, khi làm thủ tục chuyển tên từ cha chồng (Phạm B) sang tên Th để nguồn gốc tặng cho nhằm mục đích không phải đóng thuế. Phần đất hiện nay do Th quản lý, chị yêu cầu chia đôi mỗi người được nhận 16.457,1m^2;

- Một chiếc xe máy hiệu Winner mua khoảng năm 2016 và căn nhà thống nhất với giá trị theo hội đồng định giá. Yêu cầu được nhận chiếc xe máy hiệu Winner và giao căn nhà cho Th quản lý sử dụng, Th có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch giữa xe và nhà cho chị. Các tài sản khác đã thỏa thuận chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nhận chuyển nhượng đất của cha mẹ chồng là ông Phạm B và bà Đoàn Thị H còn nợ lại số tiền 114.000.000 đồng (lúc đầu thiếu 150.000.000 đồng nhưng trả được 36 triệu đồng), chị yêu cầu chia đôi số nợ.

Bị đơn anh Phạm Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như T trình bày. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống có tham gia đá gà, nhưng chỉ tham gia cho vui không có ăn thua lớn. Có mâu thuẫn thì vợ chồng cự cải và T bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng và anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Th đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đồng ý Thảo V cho T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th trực tiếp nuôi Thái K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có một chiếc xe máy Winner khi mua giá 45.000.000 đồng nhưng anh đã bán với số tiền là 25.000.000 đồng để trả nợ. Còn căn nhà đang

ở thống nhất giá trị 50.000.000 đồng; một võ máy trị giá 5.000.000 đồng T đang quản lý; số tiền mặt 50.000.000 đồng T đang quản lý vì khi đi T mang theo; 03 chỉ vàng 18k; một bộ vòng xi men vàng 18k trọng lượng 04 chỉ; một sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 18k; tổng cộng 08 chỉ vàng 18k do T đang quản lý, tài sản chung yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Th trình bày đã chuộc chiếc xe máy hiệu Winner và thống nhất với giá trị tài sản theo giá của Hội đồng định giá và anh đồng ý giao cho T một chiếc xe máy Winner, anh nhận căn nhà và giao lại số tiền chênh lệch giữa nhà và xe cho T. Các tài sản khác đã thỏa thuận chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với tiền và vàng trước đây anh cho rằng bà T giữ và yêu cầu chia nhưng T không thừa nhận và anh không có chứng cứ chứng minh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phần đất có diện tích 32.914,2m^2 do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do anh được nhận tặng cho từ cha ruột tên Phạm B, đây là tài sản riêng của anh, chị T yêu cầu chia anh Th không đồng ý.

Về nợ chung: Các khoản nợ ông Nguyễn Văn D, ông C, bà K, Lữ Chí L. Tại phiên tòa anh Th cho rằng số nợ nêu trên T không thừa nhận và anh không có chứng cứ chứng minh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số nợ ông B và bà H, vợ chồng mượn để xây dựng nhà với số tiền 150.000.000 đồng, anh yêu cầu chia đôi mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền là 75.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H trình bày:

Trước đây bà có cố cho vợ chồng T Th phần đất có diện tích 32.914,2m^2 với giá 40 chỉ vàng 24k, sau đó bà tiếp tục cố phần đất trên với số vàng 20 chỉ vàng 24k, tổng cộng hai lần cố 60 chỉ vàng 24k. Đến năm 2013 bà có làm hợp đồng sang đất cho Th, T với giá 75 chỉ vàng 24k và 250.000.000 đồng để trừ 60 chỉ vàng cố trước đây, khi làm giấy sang nhượng bà có nhận của Th, T 15 chỉ vàng và 100.000.000 đồng. Bà thừa nhận chữ ký trong tờ sang nhượng thì bà ký tên thay cho ông B. Bà Ng ký tên thay cho Th. Phần đất hiện nay chồng bà là ông B đã tặng cho riêng Th nên là tài sản riêng của Th. Đối với số vàng 75 chỉ vàng 24k và số tiền 100.000.000 đồng bà đã nhận của Th, T bà đồng ý trả cho Th và T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm B trình bày:

Phần đất diện tích 32.914,2m^2 là tài sản chung của ông và bà H. Vào năm 2017 ông đã làm hợp đồng tăng cho riêng con trai Phạm Văn Th nên đây là tài sản riêng của Th, không phải tài sản chung của vợ chồng Th, T. Việc bà H làm tờ sang nhượng đất cho Th, T ông không biết và không có ký tên trong tờ sang nhượng, ông chỉ biết trước đây bà H có cố phần đất nêu trên cho Th, T với giá 60 chỉ vàng 24K.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 55/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Diệp Diễm T và ông Phạm Văn Th.

- Về quyền nuôi con chung: Giao Phạm Thảo V, sinh 08/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao Phạm Thái K, sinh ngày 04/3/2006 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng không đặt ra. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của Diệp Diễm T. Tài sản chung được chia như sau:

+ Diệp Diễm T được chia một chiếc xe nhãn hiệu Hon Da, màu sơn đen - đỏ, số loại Winner, số máy: KC26E1013807, số khung: 2600GY205297, biển kiểm soát 69K1-189.07 do Phạm Văn Th đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký.

+ Chị T được nhận phần đất diện tích 16.108,1 m^2 đất tọa lạc tại ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau. Vị trí tứ cận tiếp giáp: Đông giáp kinh Nhà Cũ 27m; Tây giáp phần đất ông Khương 43,2m; Nam giáp phần đất ông Tuấn 379,54m; Bắc giáp phần đất được chia cho ông Th dài 473,48m.

+ Phạm Văn Th được nhận được nhận phần đất diện tích 16.805,7 m^2 đất tọa lạc tại ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh cà Mau. Vị trí tứ cận tiếp giáp như sau: Đông giáp Kinh nhà cũ 28,6m; Tây giáp ông Khương 43,2m; Nam giáp phần đất được chia cho bà T dài 473,48m; Bắc giáp phần đất ông Huynh 464,56m.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú T).

Do anh Th đang quản lý chiếc xe và đất nên buộc anh Th phải giao xe và đất cho chị T. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký xe và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Do phần đất được chia cho chị T có liên quan phần mái che và nhà vệ sinh nên buộc anh Th tháo dỡ máy che và nhà vệ sinh để giao phần đất cho chị T.

Buộc anh Th có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho T với số tiền là 15.968.406 đồng.

Buộc Phạm Văn Th có nghĩa vụ trả cho Diệp Diễm T ½ số tiền định giá là 1.171.140 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/7/2019 Phạm Văn Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Tuyên vô hiệu Tờ sang nhượng đất lập ngày 09/12/2013 bởi vì có sự giả mạo chữ ký của hai bên mua bán đất, vi phạm điều cấm của pháp luật; Sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phân chia đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 32.914,2m^2, xác định đây là tài sản riêng của anh Th, nên không chia cho chị T.

Ngày 15 /7/2019 ông Phạm B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu xem xét giá trị pháp lý và tuyên hủy Tờ sang nhượng đất lập ngày 09/12/2013 bởi vì có sự giả mạo chữ ký của hai bên mua bán đất, giao dịch không có thật và vi phạm điều cấm của pháp luật; Sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần chia đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 32.914,2m^2, xác định đây là tài sản riêng của anh Th được cha mẹ tặng cho riêng, nên không chia cho chị T.

Ngày 18/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm: Kháng nghị đối với một phần bản án sơ thẩm số 55/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia diện tích 32.914,2m^2 đất nuôi trồng thủy sản do Phạm Văn Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý kháng cáo của anh Th, ông B. Ông B, bà H sang đất cho chị T để lấy tiền, vàng sang lại khoảng 05 công đất của bác 5 cặp ranh đất bà H.

Bị đơn anh Th trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, diện tích 32.914,2m^2 đất là tài sản riêng của anh Th.

Ông B trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, phần đất ông tặng cho riêng anh Th, nên không đồng ý chia cho chị T.

Bà H thống nhất với ý kiến của anh Th, ông B, bà đồng ý trả lại cho chị T tiền, vàng đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Th và ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T và anh Th kết hôn năm 2005, có lập thủ tục đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn với anh Th. Con chung mỗi người nuôi một người con, không đặt ra cấp dưỡng. Về tài

sản chung, chị T và anh Th được chia mỗi người ½ tài sản, trong đó có phần đất nuôi trồng thủy sản 32.914,2m^2 tọa lạc ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau do anh Th đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất cấp ngày 16/01/2017. Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, anh Th và ông B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm vì cho rằng QSD đất ông B tặng cho riêng anh Th; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T kháng nghị, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia diện tích đất 32.914,2m^2.

[2] Xét kháng cáo của anh Th với nội dung tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 09/12/2013 và xác nhận QSD đất 32.914,2m^2 là tài sản riêng của anh Th.

Qua xem xét toàn bộ những chứng cứ, nhận thấy: Chị T, anh Th kết hôn năm 2005, cũng vào thời điểm này thì cha mẹ anh Th (ông B, bà H) có nhu cầu cố 32.914,2m^2 đất với giá 04 lượng vàng 24k. Vì muốn tạo điều kiện cho con gái, nên cha mẹ chị T cho mượn 04 lượng vàng 24k để nhận cố đất từ ông B, bà H, hai bên có làm giấy "Hợp đồng cố đất" vào ngày 25/10/2005, bên nhận cố bà Nguyễn Thị Ng (mẹ chị T), nội dung thể hiện thời hạn cố 03 năm, nếu đến hạn cố mà không có vàng chuộc thì bà Ng tiếp tục canh tác. Kể từ ngày làm giấy cố thì vợ chồng chị T, anh Th nhận đất canh tác cho đến khi ly hôn trên 10 năm. Hết hạn 03 năm, ông B, bà H không có vàng chuộc đất nên tiếp tục lập "Hợp đồng cố đất" ngày 25/10/2008, thời hạn 02 năm, giá 06 lượng vàng 24k (đối trừ 04 lượng vàng cố, ông B, bà H nhận thêm 02 lượng), nếu sau 02 năm không có vàng chuộc thì vợ chồng anh Th tiếp tục canh tác. Sau 02 năm, ông B, bà H không chuộc đất nên vợ chồng chị T canh tác, đến ngày 09/12/2013 lập "Tờ sang nhượng đất" có nội dung: *"Tôi Phạm B cùng vợ là Đoàn Thị H có nhượng miếng đất 25 công tầm lớn cho Phạm Văn Th, Diệp Diễm T với số vàng 7,5 lượng 24k và 250.000.000 đồng. Nếu sau này ai có ngăn cản thì vợ chồng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Ngày 09/12/2013 trả trước 75 chỉ vàng 24k và 100.000.000 đồng, còn thiếu bao nhiêu cho trả từ từ."*

Quyền sử dụng đất 32.914,2m^2 là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà H. Ông B và anh Th xác nhận biết việc cố đất và vợ chồng T nhận đất canh tác, bản thân bà H trực tiếp ký tên sang nhượng QSD đất cho vợ chồng chị T để nhận tiền, vàng. Nhưng hồ sơ, thủ tục chuyển từ tên ông B sang tên anh Th ghi nhận nguồn gốc tặng cho là chưa xem xét toàn diện, bởi lẽ bà H có quyền định đoạt ½ diện tích đất trong khi chính bà đã sang nhượng QSD đất cho vợ chồng chị T; ông B, anh Th biết sự việc cố đất với giá 06 lượng vàng, đáng lẽ ra trước khi tặng cho phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến QSD đất. Đối với hợp đồng tặng cho QSD đất lập ngày 02/12/2016, tại Điều 5 cam đoan của các bên thể hiện *"bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan"*, có nghĩa phải khai báo trung thực liên quan đến phần đất, nhưng ở đây ông B và anh Th không khai báo trung

thực là đã cố phần đất; đối với bà H biết và đồng ý tặng cho anh Th nhưng bà cũng phải có trách nhiệm khai báo chính bà sang nhượng QSD đất cho chị T. Theo quy định của pháp luật thì các bên khai báo và chịu trách nhiệm về tính trung thực của lời khai, nếu như khai báo trung thực thì Ủy ban nhân dân xã Tân H sẽ không chứng thực hợp đồng tặng cho để làm căn cứ đề nghị cấp QSD đất cho anh Th.

Đối với "Tờ sang nhượng đất" lập ngày 09/12/2013. Tuy chưa đảm bảo về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, nhưng trên thực tế anh Th đã đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất thì xem như về hình thức đã được khắc phục và được chấp nhận, bởi vì lời khai của chị T có cơ sở, là quan hệ gia đình, trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh Th cho nên khi lập thủ tục chuyển tên để cha cho con thì không phải đóng thuế, ông B và anh Th khai tặng cho riêng anh Th là không có cơ sở, bởi lẽ vợ chồng ông B có nhiều con đang đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương không ai được tặng cho tài sản, nhưng lại tặng cho một mình anh Th. Mặt khác, vợ chồng ông B không có nhiều đất (hiện chỉ có khoảng 10 công, theo lời khai chị T thì sau khi chuyển nhượng QSD đất cho vợ chồng chị thì ông B, bà H mới sang thêm khoảng 05 công đất của bác ruột anh Th).

Về nội dung của hợp đồng: Không có sự lừa dối hay giả tạo hoặc vi phạm điều cấm. Vì việc chuyển nhượng xuất phát từ hợp đồng cố đất 06 lượng vàng, ông B, bà H không có vàng chuộc đất cho nên mới sang nhượng. Sự việc không có vàng chuộc lại đất được thể hiện hết hạn cố lần thứ nhất không chuộc đất, hết hạn lần hai cũng không chuộc đất, sau 03 năm kể từ ngày hết hạn lần hai mới sang bán. Ông B biết việc sang nhượng đất được thể hiện là bà H nhận vàng sang đất trong thời kỳ hôn nhân của ông B, bà H tồn tại, trên thực tế ông B bị bệnh tai biến, không lao động nặng được, cho nên bà H trực tiếp giao dịch xuất phát từ mục đích chung của gia đình. Giá trị chuyển nhượng tại thời điểm năm 2013 tương đối phù hợp với giá thị trường, bà H đã nhận gần đủ giá trị chuyển nhượng và vợ chồng chị T nhận đất canh tác từ năm 2005 đến nay (hiện tại anh Th quản lý đất), đã xây dựng nhà ở ổn định, đầu tư trên đất như đào hai hầm nuôi tôm công nghiệp mỗi hầm khoảng 2000m^2, nhà của ông B gần phần đất nhưng vợ chồng chị T xây dựng nhà, đào hầm nuôi tôm công nghiệp chiếm toàn bộ mặt tiền của phần đất nhưng ông B vẫn không có ý kiến. Ông B cho rằng không biết việc sang nhượng là không phù hợp với nội dung Án lệ số 03/2016/AL về vụ án "Ly hôn". Nếu xác định toàn bộ 32.914,2m^2 đất là tài sản chung thì có lợi cho anh Th, bởi vì anh Th cho rằng vợ chồng chỉ xuất ra 06 lượng vàng cố đất, số còn lại 1,5 lượng vàng 24k và 100 triệu đồng để nhận chuyển nhượng đất thì anh không biết. Tuy nhiên, chị T xác nhận toàn bộ số tiền 100 triệu và 7,5 lượng vàng sang đất là chị dành dụm được từ việc khai thác trên đất vuông và có sự giúp đỡ của cha mẹ ruột, nhưng chị T đồng ý xác nhập thành tài sản chung được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, diện tích 32.914,2m^2 đất là tài sản chung của chị T, anh Th như cấp sơ thẩm xác định là có cơ sở. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh Th.

[3] Xét kháng cáo của ông B: Sửa một phần bản án sơ thẩm đối với chia đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 32.914,2m^2, xác định đây là tài sản riêng của anh Th được cha mẹ tặng cho riêng, nên không chia cho chị T và xét Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia diện tích 32.914,2m^2 đất nuôi trồng thủy sản do Phạm Văn Th đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Đối với kháng cáo của ông B và kháng nghị của Viện kiểm sát có cùng nội dung đó là diện tích 32.914,2m^2 không phải là tài sản chung của chị T, anh Th. Với yêu cầu kháng cáo, kháng nghị này đã được nhận định ở mục [2], khi xét nội dung kháng cáo của anh Th, với những căn cứ phân tích trên thì 32.914,2m^2 đất tọa lạc ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau do Phạm Văn Th đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất là tài sản chung của chị T, anh Th. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/7/2019. Căn cứ hướng dẫn Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T bởi vì kháng cáo và kháng nghị có nội dung giống nhau.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn Th, ông Phạm B; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 55/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T.

[6] Đối với hai hầm nuôi tôm công nghiệp thuộc phần đất chị T được nhận, đã không còn khai thác từ lâu, hiện nay không sử dụng, các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét liên quan đến hai hầm nuôi tôm.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: anh Th phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu. Ông B là người cao tuổi được miễn, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không đặt ra xem xét đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn Th và ông Phạm B.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 55/2019/HNGĐ-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Diệp Diễm T và Phạm Văn Th.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao Phạm Thảo V, sinh ngày 08/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao Phạm Thái K, sinh ngày 04/3/2006 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Diệp Diễm T. Tài sản chung được chia như sau:

+ Chị Diệp Diễm T được chia một chiếc xe nhãn hiệu Hon Da, màu sơn đen - đỏ, số loại Winner, số máy: KC26E1013807, số khung: 2600GY205297, biển kiểm soát 69K1-189.07 do Phạm Văn Th đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký.

Chị T được nhận phần đất diện tích 16.108,1 m^2 đất tọa lạc tại ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau. Vị trí tứ cận tiếp giáp: Đông giáp kinh Nhà Cũ 27m; Tây giáp phần đất ông Khương 43,2m; Nam giáp phần đất ông Tuấn 379,54m; Bắc giáp phần đất được chia cho ông Th dài 473,48m.

+ Anh Phạm Văn Th được nhận phần đất diện tích 16.805,7 m^2 đất tọa lạc tại ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T tỉnh Cà Mau. Vị trí tứ cận tiếp giáp như sau: Đông giáp Kinh nhà cũ 28,6m; Tây giáp ông Khương 43,2m; Nam giáp phần đất được chia cho bà T dài 473,48m; Bắc giáp phần đất ông Huynh 464,56m.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú T) .

Do anh Th đang quản lý chiếc xe và đất nên buộc anh Th phải giao xe và đất cho chị T. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký xe và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Do phần đất được chia cho chị T có liên quan phần mái che và nhà vệ sinh nên buộc anh Th tháo dỡ mái che và nhà vệ sinh để giao phần đất cho chị T.

Buộc anh Th có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho chị T với số tiền là 15.968.406 đồng *(mười lăm triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm lẽ sáu đồng)*.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Th có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T ½ số tiền định giá là 1.171.140 đồng (*một triệu một trăm bảy mươi mốt ngàn một trăm bốn mươi đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí

5.1. Án phí sơ thẩm:

- Buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.746.520 đồng, tổng cộng 19.046.520 đồng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.778.000đ theo biên lai thu tiền số 0006940 ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, chị T phải nộp tiếp 9.268.520 đồng *(chín triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm năm mươi đồng).*

- Buộc anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 19.444.120 đồng *(mười chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm hai mươi đồng).*

5.2. Án phí phúc thẩm: Anh Th phải chịu 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0019300 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T được chuyển thu. Ông B được miễn, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0019301 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T được nhận lại toàn bộ.

6. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú T;
- Chi cục THADS huyện Phú T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền